

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT chuyên Nguyễn Huệ,
năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	52	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	52	
2	Số phòng học bộ môn	6	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
4	Bình quân học sinh/lớp	1650/48	34,3 hs/lớp
III	Tổng số diện tích đất	55.871	
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập	25.000	18
V	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m2)	2.600	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	360	
3	Diện tích thư viện (m2)	1.800	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m2)	1.147	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn (m2)	30	
6	Diện tích phòng truyền thống (m2)	100	
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1,1	Khối lớp 10	3	01 bộ/05 lớp
1,2	Khối lớp 11	3	01 bộ/05 lớp
1,3	Khối lớp 12	3	01 bộ/05 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2,1	Khối lớp 10	0	
2,2	Khối lớp 11	0	
2,3	Khối lớp 12	0	
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)	150	Số học sinh/ bộ

	Nội dung	Số lượng (m2)
VIII	Nhà bếp	352 m2
IX	Nhà ăn	706 m2



	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	80 phòng x 20 m2 = 1600	320	5 m2/1 chỗ
XI	Khu nội trú	50 phòng x 20 m2 = 1000	100	10 m2/1 chỗ

XII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

	Nội dung	Có	Không
XIII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XV	Kết nối internet	X	
XVI	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XVII	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Thư trưởng đơn vị



Lương Quỳnh Lan

